

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ - PT

Ngày 03 - 3 - 2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08/01/2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐ-PT ngày 17/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Kiều T - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn G, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Chu Công T - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Chu Công T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Vũ Thị Kiều T trình bày:

Chị Vũ Thị Kiều T và anh Chu Công T đăng ký kết hôn ngày 08/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn và nuôi dạy con, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, động viên nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2020 chị T và anh T sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có ba con chung là cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014; cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Chu Minh Q, sinh ngày 19/02/2019, cả 03 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Chu Công T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bị đơn anh Chu Công T trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị Vũ Thị Kiều T đã trình bày là đúng. Nay chị Vũ Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị T có 03 con chung đúng như chị T trình bày. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016; chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chu Minh Q, sinh ngày 19/02/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Kiều T và anh Chu Công T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Kiều T và anh Chu Công T.

Về nuôi con khi ly hôn: Giao 02 cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Chu Minh Q, sinh ngày 19/02/2019 cho chị Vũ Thị Kiều T; giao cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016 cho anh Chu Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/12/2020 anh Chu Công T kháng cáo đề nghị xét xử phúc thẩm giao cho anh T được trực tiếp nuôi nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị Kiều T giữ nguyên nội dung khởi kiện, anh Chu Công T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm cháu Chu Thị Bích T đã đủ 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì phải xem xét nguyện vọng của cháu T, do cháu T không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để hỏi ý kiến về nguyện vọng của cháu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Chu Công T có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Vũ Thị Kiều T và anh Chu Công T đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Tòa án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh T. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về phần này nên quyết định của bản án sơ thẩm về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chu Công T yêu cầu Tòa án giao cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, 02 cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016 đến tuổi trưởng thành:

[3.1] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh T và chị T:

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện anh T và chị T đều làm nghề tự do, có thu nhập khá ổn định, hiện tại anh chị đều chưa có nhà riêng và sống cùng bố mẹ đẻ. Bản án sơ thẩm nhận định cả anh T và chị T đều có điều kiện vật chất để trực tiếp nuôi con và đều có đủ điều kiện để nuôi con là có căn

cứ pháp luật. Tại phiên tòa anh T thừa nhận vợ chồng anh từ khi kết hôn đến khi vợ chồng sống ly thân đều sinh sống cùng với gia đình bố mẹ anh T, sau khi vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã đưa cháu Q về xã V sinh sống còn cháu T và cháu B vẫn sinh sống cùng với ông bà nội. Từ tháng 2/2020 đến tháng 8/2020, anh T đi Hà Nội mở xưởng cơ khí và đưa cháu B đi cùng còn cháu T do ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng, việc cho cháu T đi học cũng do ông bà nội đảm nhận. Lời trình bày của anh T phù hợp với ý kiến của ông Chu Công Tuấn (Bố đẻ anh T) tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2020. Như vậy, trong một thời gian dài anh T cũng không trực tiếp nuôi dưỡng cháu T nên việc anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là không phù hợp, hơn nữa cháu T là con gái và đang bắt đầu đi học lớp 1 nên việc giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho cháu. Bản án sơ thẩm đã giao cháu Chu Thị Bích T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật.

Đối với cháu Chu Gia B là con trai sinh ngày 29/9/2016, bản án sơ thẩm đã giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của anh T.

[3.2] Anh T kháng cáo cho rằng chị T không đủ tư cách làm mẹ nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc kháng cáo của anh T là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Chu Công T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Lào Cai cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm cháu Chu Thị Bích T đã đủ 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì phải xem xét nguyện vọng của cháu. Do cháu T không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để hỏi ý kiến về nguyện vọng của cháu T. Xét thấy, theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định phạm vi xét xử phúc thẩm: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị...”*, đối với cháu Chu Thị Bích T khi xét xử sơ thẩm cháu T chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm không lấy ý kiến của cháu T là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm cháu T đã đủ 7 tuổi nhưng không thuộc trường hợp tòa án cấp phúc thẩm phải xem xét nguyện vọng của cháu, vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa về việc tạm ngừng phiên tòa để hỏi ý kiến của cháu T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh Chu Công T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần nuôi con khi ly hôn như sau: Giao 02 cháu Chu Thị Bích T, sinh ngày 18/01/2014 và cháu Chu Minh Q, sinh ngày 19/02/2019 cho chị Vũ Thị Kiều T; Giao cháu Chu Gia B, sinh ngày 29/9/2016 cho anh Chu Công T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh Chu Công T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Xác nhận anh Chu Công T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0002003 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa